

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 87/2021/HS-ST

Ngày: 06-12-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hoàng Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Bà Trần Thị Ngọc Diễm

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Ràng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 84/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 87/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

NGUYỄN MINH H, sinh năm: 1982 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số 102A, ấp M, xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1949; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; Có 01 người con sinh năm 2010;

Tiền án:

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2018/HS-ST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 9 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2019/HS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/HS-ST ngày 07/6/2001 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999;

+ Tại Quyết định số 111/QĐ-XPHC ngày 25/11/2015 của Công an thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 4.500.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy và trồng trái phép cây cần sa";

+ Tại Quyết định số 56/QĐ-XPHC 11/01/2016 của Công an xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản";

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Số 102A2, khu phố H, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Bùi Văn Quốc E, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Số 147C, ấp B, xã N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Số 102A, ấp M, xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Minh H đã 02 lần bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục có hành vi "Trộm cắp tài sản" của người khác, cụ thể: Vào khoảng 06 giờ ngày 27/5/2021, H điều khiển xe mô tô biển số 71B4-412.10 lưu thông trên tuyến đường 19/5. Khi đến đoạn thuộc ấp T, xã N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, H nhìn thấy nhà của anh Nguyễn Văn T đang thi công nhưng không người trông coi nên H nảy sinh ý định đột nhập vào tìm tài sản để lấy trộm. Để thực hiện ý định, H dựng xe bên ngoài rồi vào công trình lấy của anh T 02 đoạn sắt và 01 mâm giàn giáo rồi đem ra xe chở đến vừa mua phế liệu của anh Bùi Văn Quốc E ở số 147C, ấp B, xã N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre bán được 160.000 đồng. Sau đó, hành vi của H bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ:

- Do Bùi Văn Quốc E giao nộp:

+ 01 đoạn sắt dài 160cm, ngang 08cm.

+ 01 đoạn sắt dài 135cm, ngang 08cm.

+ 01 mâm giàn giáo dài 150cm, ngang 30cm.

- Do Nguyễn Minh H giao nộp: 01 xe mô tô biển số 71B4-412.10, nhãn hiệu TALENT, màu nâu, số máy: VTTJL1P50FMGX003612, số khung: RRKDCG1TT5X003612.

Theo Bản kết luận định giá trị tài sản số 638/KL-HĐĐG ngày 13/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố BT, tỉnh Bến Tre kết luận:

- 01 đoạn sắt có kích thước 160cm x 08cm, trọng lượng 5 kg (đã qua sử dụng), trị giá ngày 27/5/2021 là 32.500 đồng.

- 01 đoạn sắt có kích thước 135cm x 08cm, trọng lượng 4,5 kg (đã qua sử dụng), trị giá ngày 27/5/2021 là 29.250 đồng.

- 01 mâm giã gạo có kích thước 150cm x 30cm, trọng lượng 12 kg (đã qua sử dụng), trị giá ngày 27/5/2021 là 78.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 83/CT-VKSTPBT ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh H về “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H từ 6 đến 9 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

- Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

+ Ghi nhận bị hại Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì thêm.

+ Buộc bị cáo bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn Quốc E 160.000 đồng.

+ Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H 01 xe mô tô biển số 71B4-412.10.

Bị cáo Nguyễn Minh H khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố, đồng thời yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Nguyễn Văn T trình bày sự việc bị chiếm đoạt tài sản như nội dung cáo trạng, ông xác định đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì khác, đồng thời đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên sơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai và yêu cầu rõ ràng trong quá trình điều tra nên sự vắng mặt không trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Minh H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản, bản ảnh thực nghiệm điều tra, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Mặc dù đã 02 lần bị kết án về “Tội trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nhưng vào khoảng 06 giờ ngày 27/5/2021, tại ấp T, xã N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Minh H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T 02 đoạn sắt và 01 mâm giàn giáo. Kết quả định giá tài sản xác định, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 139.750 đồng.

[4] Bị cáo Nguyễn Minh H là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại với lỗi cố ý trực tiếp vì động cơ tư lợi, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật Hình sự bảo vệ. Mặc dù tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại chưa đến hai triệu đồng, tuy nhiên bị cáo đã 02 lần bị Tòa án kết án về “Tội trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Minh H đã phạm vào “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được rằng tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý. Nhưng xuất phát từ bản tính tham lam, lười biếng lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức nên bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, gây khó khăn trong cuộc sống, kinh tế và sinh hoạt của họ, gây mất trật tự, an toàn xã hội và bất bình trong nhân dân nên cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị nhiều lần Tòa án kết án về tội trộm cắp tài sản (trong đó có 02 lần chưa được xóa án tích) và bị các cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, trồng trái phép cây cần sa và trộm cắp tài sản. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không phạm

vào tình tiết tăng nặng. Xét tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng như phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo, bị cáo có người thân có công với đất nước được tặng thưởng bằng khen, truy tặng bà mẹ Việt Nam anh hùng, bị hại có yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ nhân thân, tính chất mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[7] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về phần trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì khác nên ghi nhận. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn Quốc E yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã mua 02 đoạn sắt và 01 mâm giàn giáo là 160.000 đồng, bị cáo trình bày đã bồi thường xong số tiền trên nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh và bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông Quốc E nên ghi nhận để buộc bị cáo thực hiện.

[10] Về phần xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng là 01 xe mô tô biển số 71B4-412.10. Xét thấy, đây là tài sản của bà Nguyễn Thị H, bà H không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho bà H là phù hợp nên ghi nhận.

[11] Đối với Bùi Văn Quốc E khi mua mua 02 đoạn sắt và 01 mâm giàn giáo do bị cáo H bán, không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có và Nguyễn Thị H khi giao xe cho bị cáo không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Minh H phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh H phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Minh H 6 (Sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Minh H bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn Quốc E 160.000 (Một trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Minh H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bị cáo, bị hại được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ (4b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Lê Hoàng Út